

Số: 1047/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo hệ chuẩn, trình độ đại học
Ngành Tài chính – Ngân hàng

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn - trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng;

Căn cứ đề xuất của Khoa Tài chính – Ngân hàng và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo hệ chuẩn, trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Tài chính – Ngân hàng

Tên tiếng Anh: Finance - Banking

- Mã số ngành đào tạo: 7340201

- Chuyên ngành: Ngân hàng

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng

Tiếng Anh: Bachelor in Finance - Banking

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Tài chính – Ngân hàng, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu chung

Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng có kiến thức nền tảng về kinh tế, có lý luận và thực tiễn, có kiến thức chuyên môn chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng và kiến thức cơ bản về tài chính, có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Người học có tư duy đổi mới, sáng tạo; có tư duy phản biện, hoạch định chính sách và tư duy toàn cầu; có sức khỏe, trách nhiệm với xã hội, ý thức phụng sự cộng đồng.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình cử nhân Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

- **MT 1:** Người học có kiến thức nền tảng về kinh tế, có lý luận và thực tiễn, có trình độ phân tích, tổng hợp, nghiệp vụ chuyên môn chất lượng cao và chuyên sâu về lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng. Bên cạnh đó sinh viên còn có trình độ lý luận và thực tiễn về chuyên môn cơ bản để làm việc tốt về nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán.
- **MT2:** Người học có tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức và tuân thủ pháp luật. Người học có sức khỏe, trách nhiệm với xã hội, và ý thức phụng sự cộng đồng.

- **MT 3:** Người học có kỹ năng xử lý công việc và khả năng sử dụng thành thạo các kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong công việc.
- **MT 4:** Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có tư duy phân biện, hoạch định chính sách, tư duy toàn cầu và thích nghi được với sự thay đổi của môi trường. Sinh viên có thể làm việc trong các tổ chức tín dụng, ngân hàng, tổ chức tài chính, bảo hiểm, chứng khoán và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực nói trên, ngoài ra sinh viên còn có thể làm việc trong các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán..

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

1.2.5. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Chuyên viên tại các tổ chức tài chính, tín dụng, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác trong và ngoài nước: Có đầy đủ năng lực để thực hiện các công việc của chuyên viên nguồn vốn, chuyên viên tín dụng, chuyên viên đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên quan hệ khách hàng, giao dịch viên, kế toán viên, kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ... tại các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế khác.

Nhóm 2: Nhà quản trị, nhà quản lý, nhà điều hành tại các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty chứng khoán và các tổ chức tín dụng khác: Có khả năng phân tích, phân biện, hoạch định chính sách sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm và kiến thức, năng lực chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Nhóm 3: Cán bộ, nhà quản lý về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại các cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương và địa phương: Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kho

bạc nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, Sở Tài chính các tỉnh; phòng Kế hoạch tài chính cấp huyện, thị xã..

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên tại các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức tài chính quốc tế: Ngay sau khi ra trường, có khả năng nghiên cứu và hỗ trợ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: hỗ trợ giảng dạy các môn liên quan đến Tài chính; nghiên cứu, tư vấn về lĩnh vực tài chính – ngân hàng; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

1.3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh chi tiết theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Tài chính – Ngân hàng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. CĐR chung của Học viện

- **CĐR 1:** Vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- **CĐR 2:** Áp dụng các kiến thức về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế) vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.
- **CĐR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.
- **CĐR 4:** Giải thích các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

2.1.2. CĐR chung ngành

- **CĐR 5:** Áp dụng các kiến thức về kinh tế, kế toán, thống kê, pháp luật, và dữ liệu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- **CĐR 6:** Vận dụng các kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng, và thị trường chứng khoán vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.

2.1.3. CĐR riêng của chuyên ngành

- **CĐR 7:** Phân tích các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực ngân hàng như hoạt động của Ngân hàng trung ương, Ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng khác.
- **CĐR 8:** Đánh giá được các hoạt động cụ thể của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác: Hoạt động huy động vốn, tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế., từ đó có thể ra quyết định về chính sách liên quan trong lĩnh vực ngân hàng.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. CĐR kỹ năng chuyên môn

- **CĐR 9:** Có tư duy phản biện, hoạch định chính sách, có khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào các hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên sâu về Ngân hàng.
- **CĐR 10:** Thành thạo kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin, dữ liệu, để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

2.2.2. CĐR Kỹ năng bổ trợ

- **CĐR 11:** Xây dựng khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học, sáng tạo.

- **CĐR 12:** Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng áp dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có phương pháp nghiên cứu và phân tích định lượng trong phân tích kinh tế và kinh doanh.
- **CĐR 13:** Vận dụng khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam vào truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

2.3. Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

- **CĐR 14:** Thiết lập phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- **CĐR 15:** Xây dựng khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

2.4. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CĐR của CTĐT:

CTĐT ngành Tài chính- Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng năm 2023 được xây dựng trên cơ sở so sánh, tham khảo CTĐT của trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng và trường Đại học Manchester (Anh Quốc); cũng như so sánh với CTĐT chuyên ngành Ngân hàng năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng phải có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế học như Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng, Nguyên lý thống kê kinh tế (tham khảo CTĐT của Đại học Manchester có các môn Macroeconomics 1, Macroeconomics 2, Econometrics 1: Econometric Methods, Quantitative Research Methods); Ngân hàng thương mại, Kế toán ngân hàng, Marketing ngân hàng, Ngân hàng trung ương (CTĐT của Học viện ngân hàng có Ngân hàng thương mại, Kế toán ngân hàng, Marketing ngân hàng, Ngân hàng trung ương; CTĐT của ĐH KTQD có Thanh toán quốc tế, Ngân hàng thương mại, Kế toán ngân hàng, Chuyên đề Marketing ngân hàng); Thẩm định tín dụng (tham khảo CTĐT của ĐH KTQD có môn Thẩm định tài chính dự án; CTĐT của Học viện Ngân hàng có môn Tài trợ dự án và Tín dụng ngân hàng 2);

Ngoài ra, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng năm 2023 được xây dựng trên cơ sở thực hiện Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo: Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” và tham khảo chuẩn đầu ra của các CTĐT ngành Tài chính- Ngân hàng của Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính. Bên cạnh chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ phù hợp với quy định chung của Học viện Chính sách và phát triển, CTĐT chuyên ngành Ngân hàng năm 2023 xây dựng lại chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ

cho sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này, với 8 chuẩn đầu ra về kiến thức, 5 chuẩn đầu ra về kỹ năng và 2 chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 129 tín chỉ (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất và quốc phòng), trong đó:

- Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 12 tín chỉ (chiếm 9,3%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 18 tín chỉ (chiếm 13,9%)
- Khối kiến thức ngành bắt buộc: 21 tín chỉ (chiếm 16,2%)
- Khối kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 9 tín chỉ (chiếm 7,0%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 9 tín chỉ (chiếm 7,0%)
- Khối kiến thức ngành lựa chọn: 9 tín chỉ (chiếm 7,0%)
- Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 10 tín chỉ (chiếm 7,8%)
- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 31,8%)

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
1	Giáo dục đại cương		41	31,8%
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
3	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
6	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
7	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
8	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
13	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
14	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4

15	THML04	Triết học Mác Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	2
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Cở sở ngành (Bắt buộc)		18	13,9%
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5	Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	5
4	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	5
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		21	16,2%
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
2	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	4	5

3	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
4	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
6	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
4	TCBH01	Bảo hiểm	3	6
8	Chuyên ngành bắt buộc		12	9,3%
1	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
2	TCTD01	Thẩm định tín dụng	3	7
3	TCKT05	Kế toán ngân hàng	3	6
4	QTMC04	Marketing Ngân hàng	3	7
9	Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	TCTW01	Ngân hàng Trung ương	3	6
2	TCTH11	Thuế	3	7
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
4	TCKT22	Kiểm toán tài chính	3	7
5	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
6	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
7	TCDG01	Định giá tài sản	3	7
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	7,8%
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8

3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	8
4	TCTN02	Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao	3	8
TỔNG SỐ			129	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

Thực tập tốt nghiệp

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị. Sinh viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.

Khóa luận tốt nghiệp

Học phần dành cho sinh viên năm cuối, kết hợp kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong quá trình học tập và làm việc tại cơ sở thực tiễn, hoàn thành một nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được thể hiện ở báo cáo Khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp là một báo cáo thực tiễn độc lập, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc một số giảng viên về lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo.

Chuyên đề thực tế

Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.

Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ nâng cao

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ nâng cao cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ nâng cao cùng với học phần Tài chính doanh nghiệp nâng cao là học phần bắt buộc thay thế cho Khóa luận tốt nghiệp, làm điều kiện để sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng được tốt nghiệp ra trường.

Tài chính doanh nghiệp nâng cao

Tài chính doanh nghiệp nâng cao là học phần tốt nghiệp đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính và chuyên ngành Ngân hàng thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng.

Học phần Tài chính doanh nghiệp nâng cao đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: chi phí huy động và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư dài hạn, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp,

chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu; các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn; các vấn đề về phân tích và lập kế hoạch tài chính cũng như việc hoạch định tài chính doanh nghiệp trong tương lai.

Tài chính doanh nghiệp nâng cao có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Kinh tế vi mô, Nguyên lý kế toán, Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ, Tài Chính Doanh Nghiệp...

Phân tích báo cáo tài chính

Phân tích Báo cáo tài chính là học phần chuyên ngành đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần Phân tích Báo cáo tài chính giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính với các kiến thức bổ trợ từ các chuyên ngành đào tạo của Học Viện để hình thành các kỹ năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi về quản trị tài chính phát sinh ở mỗi đơn vị như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể.

Phân tích Báo cáo tài chính có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Lý thuyết Tài chính tiền tệ; Nguyên lý kế toán; Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô, Thị trường chứng khoán, Tài chính doanh nghiệp, ...

Kế toán ngân hàng

Học phần “Kế toán ngân hàng” cung cấp cho sinh viên nắm được kiến thức về sự khác biệt căn bản giữa kế toán ngân hàng và kế toán doanh nghiệp, nắm được cách thức tổ chức công tác kế toán tại các Tổ chức tín dụng, nắm được phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu của Tổ chức tín dụng. Môn học giới thiệu tổng quan về kế toán ngân hàng và các nghiệp vụ kế toán ngân hàng như: Kế toán huy động vốn, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, Kế toán nghiệp vụ thanh toán tiền tệ, kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng.

Marketing ngân hàng

Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức về hoạt động Marketing tại các Ngân hàng thương mại. Môn học giới thiệu tổng quan về Marketing ngân hàng và các nghiên cứu cơ bản trong Marketing Ngân hàng: Nghiên cứu hành vi của khách hàng, Nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu ngân hàng trên thị trường mục tiêu, xây dựng và thực thi chiến lược marketing hỗn hợp.

Thuế

Học phần Thuế nghiên cứu đặc điểm, vai trò và quản lý thuế trong đời sống kinh tế xã hội. Học phần giới thiệu chi tiết đối tượng chịu thuế, phương pháp tính thuế và luật quản lý thuế đối với các sắc thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất

khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất,... Thông qua chương trình học, sinh viên có thể nắm vững được kiến thức và kỹ năng về thuế trong thực tế để phục vụ công tác học tập, nghiên cứu và thực thi công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

Thẩm định tín dụng

Học phần Thẩm định tín dụng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định cho vay khi xử lý một hồ sơ vay vốn của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Học phần này bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tín dụng ngân hàng và thẩm định tín dụng ngân hàng; Thẩm định tài sản bảo đảm; Thẩm định tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn đối với doanh nghiệp; Thẩm định khách hàng cá nhân; Lập báo cáo thẩm định. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như: Ngân hàng thương mại, Phân tích báo cáo tài chính, Thẩm định dự án đầu tư.

Thanh toán quốc tế

Thanh toán quốc tế là một trong các khâu quan trọng của giao dịch thương mại, kinh tế giữa chủ thể các quốc gia trên phạm vi thế giới. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về hoạt động thanh toán quốc tế, ngoại hối và tài trợ xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng xuất nhập khẩu, Bộ chứng từ TTQT, các tình huống, giao dịch TTQT thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (cán bộ ngân hàng, cán bộ công ty xuất nhập khẩu,...) để thực hành thảo luận, phân tích lợi thế cũng như đánh giá rủi ro các giao dịch TTQT theo tập quán quốc tế.

Định giá tài sản

Học phần Định giá tài sản cung cấp các kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và phương pháp định giá tài sản và định giá doanh nghiệp bao gồm: các khái niệm, các quan điểm, quy trình, nguyên tắc, cơ sở định giá và các phương pháp định giá tài sản, gồm: bất động sản, máy móc thiết bị và doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có thể sử dụng các phương pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn để đánh giá và định giá các bất động sản, máy móc thiết bị ít có giao dịch trên thị trường; có thể xác định mức giá hợp lý của các tài sản thế chấp, đánh giá mức độ mạo hiểm, độ tin cậy và tính khả thi của các dự án đầu tư, đánh giá được tính chất "ảo", tính đầu cơ, mức độ "bong bóng" về giá cả diễn ra trên thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, đánh giá và định giá được mức giá hợp lý của một doanh nghiệp, cổ phiếu và thương hiệu của doanh nghiệp đó; tư vấn cho các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân ra các đưa ra các quyết định đầu tư, mua sắm hợp lý, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất; có năng lực quản trị kinh doanh, marketing, môi giới, quản lý sàn giao dịch và thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư vào bất động sản.

Ngân hàng trung ương

Học phần Ngân hàng trung ương giới thiệu lý luận cơ bản và các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương; Xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ và thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng nhằm mục tiêu thực thi chính sách tiền tệ và ổn định hệ thống ngân hàng. Học phần Ngân hàng trung ương có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Lý thuyết tài chính tiền tệ, Ngân hàng thương mại, Kinh tế vĩ mô, Thị trường tài chính,...

Thẩm định dự án đầu tư

Học phần “Thẩm định Dự án Đầu tư” trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

Bảo hiểm

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về pháp luật bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại; Lý thuyết/nguyên lý và các nội dung cơ bản của các nghiệp vụ bảo hiểm như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm con người.

Kế toán tài chính

Học phần Kế toán tài chính là môn học cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kế toán tài chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính. Học phần giúp sinh viên nắm có những kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính (Nhân viên kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính...).

Lý thuyết Tài chính tiền tệ

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ cung cấp cho sinh viên lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ như các vấn đề về cung cầu tiền tệ, tín dụng, lãi suất, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ. Sinh viên hiểu được cách thức vận hành của thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, các tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức kinh tế trong thị trường, làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn học chuyên ngành.

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ là học phần cơ sở ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng, có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế,giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

Ngân hàng thương mại

Học phần Ngân hàng thương mại trong chương trình đào tạo trình độ đại học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại và các hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường.

Học phần này bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan hoạt động kinh doanh ngân hàng thương mại; Nguồn vốn và tài sản ngân hàng; Các nghiệp vụ tín dụng ngân hàng; Phân tích tín dụng và chính sách tín dụng; Các hoạt động quốc tế của ngân hàng; Vốn chủ sở hữu ngân hàng; Rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Quản lý Tài chính công

Học phần Quản lý tài chính công cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành kiến thức nền tảng về quản lý tài chính công trong hệ thống tài chính quốc gia. Môn học giới thiệu tổng quan các nội dung về tài chính công và quản lý tài chính công; ngân sách nhà nước và chu trình quản lý ngân sách nhà nước; quản lý thu, chi ngân sách; quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách; quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức cân đối ngân sách nhà nước và quản lý nợ công.

Tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Tài chính doanh nghiệp có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ.

Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp; các vấn đề về tài sản, nguồn vốn; sự vận động của dòng tiền vào, dòng tiền ra mà biểu hiện cụ thể chính là doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích và quyết định đầu tư dự án, xác định chi phí vốn, quyết định nguồn vốn và cơ cấu vốn và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của các quyết định quản lý này đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán

Học phần Thị trường chứng khoán là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán với 10 nội dung cụ thể sau đây: (i) Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; (ii) Các loại chứng khoán và phát hành chứng khoán, (iii) Sở giao dịch chứng khoán; (iv) Thị trường chứng khoán phi tập trung; (v) Công ty chứng khoán; (vi) Giao dịch chứng khoán; (vii) Lưu ký, đăng ký và thanh toán bù trừ; (viii) Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; (ix) Phân tích chứng khoán; và (x) Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.

Kiểm toán tài chính

Học phần “Kiểm toán tài chính” cung cấp những kiến thức về kiểm toán tài chính tại các tổ chức kinh tế để sinh viên có thể vận dụng để kiểm toán độ tin cậy của các báo cáo tài chính của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế. Môn học này sẽ giúp các bên liên quan có thể sử dụng báo cáo tài chính để thực hiện phân tích báo cáo tài chính, định giá tài sản chuẩn xác và hiệu quả hơn. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức, nội dung căn bản về kiểm toán báo cáo tài chính của một tổ chức. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên phải nắm được những kiến thức căn bản về kiểm toán tài chính áp dụng trong các hoạt động kiểm toán tài chính, rà soát tính trung thực, hợp lệ của báo cáo tài chính khi tiến hành sử dụng báo cáo tài chính của một tổ chức.

Phân tích và Đầu tư chứng khoán

Học phần Phân tích Đầu tư Chứng khoán là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu về phân tích đầu tư chứng khoán với 9 nội dung cụ thể sau đây: (i) Những vấn đề cơ bản về phân tích chứng khoán, (ii) Phương pháp phân tích cơ bản, (iii) Phương pháp phân tích kỹ thuật, (iv) Những vấn đề cơ bản về định giá chứng khoán, (v) Phân tích và định giá trái phiếu, (vi) Phân tích và định giá cổ phiếu, (vii) Phân tích và định giá chứng khoán phái sinh, (viii) Đầu tư chứng khoán và chiến lược đầu tư chứng khoán, và (ix) Xây dựng và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Tài chính quốc tế

Học phần “Tài chính quốc tế” bao gồm các nội dung: tổng quan về tài chính quốc tế, hệ thống tiền tệ quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, các nghiệp vụ ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, quan hệ giá cả, tỷ giá và lãi suất, những nhân tố tác động lên tỷ giá. Sinh viên được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về tài chính quốc tế; hệ thống tiền tệ quốc tế; cơ chế hoạt động và các nghiệp vụ của thị trường tài chính quốc tế; hạch toán cán cân thanh toán quốc tế; các cơ chế tỷ giá và những nhân tố tác động lên tỷ giá. Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; phân tích và giải thích những vấn đề liên quan đến sự biến động kinh tế - tài chính thế giới; sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các tài liệu liên quan tới môn học

Toán tài chính

Môn học “Toán tài chính” cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về cách thức tính lãi, chiết khấu, tiết kiệm, trả nợ vay và cách xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Qua đó, sinh viên nắm được bản chất, nguyên lý và các công cụ tính toán trong hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói riêng cũng như các nghiệp vụ tài chính nói chung. Sinh viên vừa được trang bị các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vừa biết vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau.

Kinh tế vi mô 2

Học phần “Kinh tế vi mô 2” cung cấp cung cấp các kiến thức hiện đại và chuyên sâu về kinh tế vi mô cho sinh viên ngành kinh tế ở bậc đại học. Học phần nghiên cứu các vấn đề: Các mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; Lý thuyết cầu; lựa chọn trong điều kiện rủi ro; Lý thuyết về hăng; Thị trường cạnh tranh và độc quyền; Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Thị trường các yếu tố sản xuất; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ. Từ đó, sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề liên quan đến hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trong dài hạn, các quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp trong các thị trường khác nhau, các giải pháp can thiệp của Chính phủ để khắc phục những thất bại của thị trường.

Kinh tế quốc tế

Học phần “Kinh tế quốc tế” cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực như thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, di chuyển lao động, thanh toán giữa các quốc gia cũng như một số vấn đề đang là tâm điểm quan tâm của toàn thế giới như toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế các quốc gia, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ. Môn học này sẽ đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi về liên quan cấu trúc của nền kinh tế thế giới, sự tham gia của các quốc gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, sự tác động qua lại giữa các chủ thể trong hoạt động kinh tế tầm vĩ mô..

Marketing căn bản

Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân

phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

Pháp luật kinh tế

Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

Văn hóa và đạo đức kinh doanh

Học phần này tập trung nghiên cứu và bàn luận về trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các cơ quan công quyền, doanh nghiệp (DN) trong hoạt động kinh doanh của mình. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến trách nhiệm và đạo đức của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của mình cũng như giúp người học khám phá những vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh liên quan đến những xung đột phức tạp và tình thế lưỡng nan trong hoạt động kinh doanh.

Chính sách công

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh

Học phần “Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, quyền riêng tư và chính sách bảo mật của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark, Python, R,... Ngoài ra, học viên sẽ được tiếp cận tư duy phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization), xây dựng mô hình ra quyết định, các công nghệ áp dụng cho hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, các hướng tối ưu dữ liệu cho kinh doanh, phân tích dữ liệu để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,...

Kinh tế lượng

Học phần “Kinh tế lượng” trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho

các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.

Kinh tế đầu tư

Môn học “Kinh tế đầu tư” là môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nghiên cứu các vấn đề kinh tế trong hoạt động đầu tư phát triển. Môn học cung cấp những kiến thức về kinh tế đầu tư một cách cơ bản như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.

Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

Nguyên lý thống kê kinh tế

Học phần được xây dựng trên nền tảng ứng dụng khoa học thống kê trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành trong việc thu thập và xử lý dữ liệu thống kê nhằm đưa ra các nhận định về bản chất của các hiện tượng kinh tế xã hội trong các điều kiện không gian và thời gian cụ thể, phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ra quyết định trong quản lý kinh tế xã hội. Với mục tiêu cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội, học phần phục vụ hữu hiệu cho sinh viên trong học tập và nghiên cứu các chuyên ngành thuộc khối kinh tế - xã hội; mặt khác cũng rất hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và hoạt động thực tiễn.

Tiếng Anh trong kinh doanh

Học phần “Tiếng Anh trong kinh doanh” là chương trình học một kỳ sau khi đã được học bốn kỳ tiếng Anh Tổng quát dành cho sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau bậc đại học tại Học viện Chính sách và Phát triển. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Một số chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh; Những khái niệm cơ bản cũng như những thuật ngữ đặc trưng cho lĩnh vực kinh doanh; Các cấu trúc, các cụm từ thông dụng và mẫu tham khảo để viết CV và Cover Letter. Nội dung chương trình được thiết kế hiệu quả và phù hợp khách quan với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo sau khi ra trường sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức được cung cấp vào thực tế công việc.

Kinh tế Chính trị Mác – Lênin

Học phần “Kinh tế Chính trị Mác – Lênin” cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề kinh tế chính trị đặt ra từ thực tiễn, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, cùng với môn học Triết học Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

Kinh tế vi mô 1

Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về lịch sử và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.

Pháp luật đại cương

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc

của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.

Tiếng Anh cơ bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.

Tiếng Anh cơ bản 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Tiếng Anh cơ bản 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và

câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Tiếng Anh cơ bản 4

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.

Tin học đại cương

Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển.

Toán cao cấp

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian véc tơ n-chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học. Học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Triết học Mác - Lênin

Học phần “Triết học Mác – Lênin” trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Từ đó, định hướng cho hoạt

động nhận thức và hoạt động thực của sinh viên, góp phần cải tạo tự nhiên, xã hội, con người phát triển hợp quy luật khách quan.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, 2 giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1 Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Phạm Mỹ Hằng Phương	TS	Tài chính – Ngân hàng	TK
2	Đào Bích Hạnh	TS	Luật công	GV
3	Đỗ Thanh Hương	TS	Tài chính – Ngân hàng	GV
4	Đặng Thùy Nhung	ThS	Tài chính – Ngân hàng	GV
5	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	ThS	Tài chính – Ngân hàng	GV
6	Trần Hoàng Minh	ThS	Tài chính – Ngân hàng	GV

7	Nguyễn Tuấn Phong	Ths	Tài chính – Ngân hàng	GV
---	-------------------	-----	-----------------------	----

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Tài chính – Ngân hàng còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Tài chính – Ngân hàng và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa Tài chính – Ngân hàng còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến tài chính – ngân hàng cho SV.

3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên

Là một Khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa Tài chính – Ngân hàng luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa Tài chính – Ngân hàng thu hút được 10-20 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH.

PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CĐR 1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	X			X
CĐR 2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.	X			X
CĐR 3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.	X			X
CĐR 4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X			X
CĐR 5	Áp dụng các kiến thức về kinh tế, kế toán, thống kê, pháp luật, và dữ liệu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	X			X
CĐR 6	Hiểu các kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng, và thị trường chứng khoán để vận dụng vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.	X			X
CĐR 7	Phân tích các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực ngân hàng như hoạt động của Ngân hàng trung ương, Ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng khác.	X			X

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CDR 8	Đánh giá được các hoạt động cụ thể của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác: Hoạt động huy động vốn, tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế..., từ đó có thể ra quyết định về chính sách liên quan trong lĩnh vực ngân hàng.	X			X
CDR 9	Có tư duy phản biện, hoạch định chính sách, có khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào các hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên sâu về Ngân hàng.			X	X
CDR 10	Có kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin, dữ liệu, để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.			X	X
CDR 11	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học.			X	X
CDR 12	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng áp dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có phương pháp nghiên cứu và phân tích định lượng trong phân tích kinh tế và kinh doanh.			X	X
CDR 13	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để vận dụng vào truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.			X	X
CDR 14	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.		X		X

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CDR 15	Xây dựng khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.		X		X

Ghi chú: Đánh dấu “X” thể hiện sự liên kết giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			41															
2.																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2													x	x
2	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2														x	x
3	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2													x	x
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2													x	x
5	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2													x	x
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3				3									x		
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3				3									x		
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				3									x	x	
9	TOCC05	Toán cao cấp	3				2									x		
10	OLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3				2									x		
11	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3														x	

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3													x		
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3													x		
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3													x		
15	UDC01	Pháp luật đại cương	3		3												x	x
16	TOĐC06	Tin học đại cương	3			3								x				
17	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2														x	
18	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2														x	
19	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2														x	
20	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8														x	x
21	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3											x	x			
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			88															
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			27															
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			18															
1	CSCS11	Chính sách công	3		2			3					x	x				

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			2		3					x	x					
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2		3					x	x					
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3		2								x	x					
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			2		3					x	x					
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3			2		3						x	x		x	x	
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			9																
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3				2	3						x	x				
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3			2		3						x	x				
3	QTMC02	Marketing căn bản	3			2		3					x	x					
4	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3														x		
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3					3					x	x				x	x
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3			2		3						x	x				
2.2. Kiến thức ngành			30																
2.2.1. Ngành bắt buộc			21																

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3					3	3	4		x	x	x			x	x
2	TCCT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	4		2		2	3	3	4		x	x	x			x	x
3	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3		2		2	3	3	4	5	x	x	x			x	x
4	TCCO21	Quản lý tài chính công	3		2		2	3	3	4			x	x			x	x
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3					3	3	4			x	x				
6	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3		2	2	2	3	3	4		x	x	x	x		x	x
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2		2		2	3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
2.2.2. Ngành lựa chọn			9															
1	QTCL01	Quản trị chiến lược	3		2	2		3			4	x	x	x				
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3				2	3	3			x	x	x				
3	TCTO10	Toán tài chính	3			2		3				x	x	x				
4	TCBH01	Bảo hiểm	3		2		2		3	3	4	x	x	x				
5	TCKQ01	Kế toán quản trị	3					3	3		4	x	x	x			x	x
2.3. Kiến thức chuyên ngành			21															
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			12															

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3					3	4		5	x	x	x				
2	TCTD01	Thẩm định tín dụng	3					3	3	4	5	x	x	x	x		x	x
3	TCKT05	Kế toán ngân hàng	3		2				3	4	5	x	x	x			x	x
4	QTMC04	Marketing Ngân hàng	3						3	4	5	x	x	x			x	x
2.3.2. Chuyên ngành lựa chọn			9															
1	TCTW01	Ngân hàng Trung ương	3		2			3	3	4	5	x	x	x			x	x
2	TCTH11	Thuế	3		2			3	3	4	4		x	x			x	x
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3					3	3	4	5	x	x	x				
4	TCĐG01	Định giá tài sản	3					3	3	4	5	x	x	x				
5	TCKT22	Kiểm toán tài chính	3					3	3	4	4	x	x	x				
6	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3					3	3	4	5	x	x	x	x		x	x
7	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3					3	3	4	5		x	x	x			
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			10															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
4	TCTN02	Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao	3					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom:

(1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1 Thời gian đào tạo

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

5.1.2 Cách thức thực hiện

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 31,8%), Kiến thức cơ sở ngành: 27 tín chỉ (chiếm 20,9%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 30 tín chỉ (chiếm 23,2%); Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ (16,3%) và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (7,8%) được thực hiện vào kỳ 7 và kỳ 8 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ). Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 129 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học thuộc chương trình đào tạo (mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ)
- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

□ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

□ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

□ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

□ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

□ Cách tính điểm học phần

□ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

□ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

□ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

□ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Tài chính -Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo.	<input type="checkbox"/> Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lý công việc và thời gian cá nhân hiệu quả. <input type="checkbox"/> Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh <input type="checkbox"/> Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn phòng thông dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.	Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	Phương pháp giảng dạy: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Thuyết trình <input type="checkbox"/> Thảo luận nhóm <input type="checkbox"/> Đặt-giải quyết vấn đề Phương pháp học tập: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp <input type="checkbox"/> Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. <input type="checkbox"/> Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. Điều kiện dạy và học: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học <input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học thông qua môn học; <input type="checkbox"/> Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. <input type="checkbox"/> Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... <input type="checkbox"/> Tham gia guest speaker
Năm thứ Hai	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức	<input type="checkbox"/> Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng,	<input type="checkbox"/> Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức.	Phương pháp giảng dạy:

	<p>theo khối ngành, cơ sở ngành</p>	<p>xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều.</p> <p><input type="checkbox"/> Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông</p>	<p><input type="checkbox"/> Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế.</p> <p><input type="checkbox"/> Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc</p>	<p><input type="checkbox"/> Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học;</p> <p><input type="checkbox"/> Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p><input type="checkbox"/> Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai....</p> <p><input type="checkbox"/> Tham gia guest speaker</p> <p>Phương pháp học tập:</p> <p><input type="checkbox"/> Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p>Điều kiện dạy và học:</p> <p><input type="checkbox"/> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học</p> <p><input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên.</p> <p><input type="checkbox"/> Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện xét cho sinh viên toàn trường từ năm 2 trở đi.</p>
--	-------------------------------------	---	---	---

<p>Năm thứ Ba và năm thứ Tư</p>	<p>Các môn học thuộc khối kiến thức theo ngành</p>	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung. <input type="checkbox"/> Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế, vv. <input type="checkbox"/> Viết báo cáo, các kỹ năng cơ bản để vận dụng vào từng lĩnh vực cụ thể của quá trình học và chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai. <input type="checkbox"/> Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Có khả năng khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh; <input type="checkbox"/> Năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp; <input type="checkbox"/> Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động; <p>Khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; 	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; <input type="checkbox"/> Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. <input type="checkbox"/> Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai... <input type="checkbox"/> Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án... <input type="checkbox"/> Tham quan thực tế/thực tập tại doanh nghiệp <p>Phương pháp học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp <input type="checkbox"/> Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. <input type="checkbox"/> Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. <input type="checkbox"/> Tổ chức thực tập thực tế <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học. <input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học <input type="checkbox"/> Tổ chức các đợt thực tế theo nhu cầu học phần, thực tập tại doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cho sinh viên.
---------------------------------	--	--	--	--

		phản biện; kỹ năng lãnh đạo nhóm và thích nghi với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai.		<input type="checkbox"/> Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.
--	--	--	--	---

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Tài chính – Ngân hàng

Tên tiếng Anh: Finance - Banking

- Mã số ngành đào tạo: 7340201

- Chuyên ngành: Tài chính

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng

Tiếng Anh: Bachelor in Finance - Banking

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Tài chính – Ngân hàng, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình cử nhân Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính một cách độc lập, sáng tạo, có tư duy phản biện, hoạch định chính sách, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp tốt; có sức khỏe, trách nhiệm với xã hội, ý thức phụng sự cộng đồng và có khả năng tham gia thị trường lao động trong và ngoài nước trong lĩnh vực tài chính; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình cử nhân Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

▪ **MT 1:** Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo, có tư duy phản biện, hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài chính tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức tài chính và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

▪ **MT 2:** Người học có tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức và tuân thủ pháp luật. Người học có sức khỏe, trách nhiệm với xã hội, và ý thức phụng sự cộng đồng.

- **MT 3:** Người học có kiến thức nền tảng về kinh tế, kiến thức tổng quan về tài chính – ngân hàng và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính. Người học có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- **MT 4:** Người học có kỹ năng xử lý công việc và khả năng sử dụng thành thạo các kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong công việc. Người học lĩnh hội các phương pháp luận khoa học, tư duy logic để có thể tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

1.2.5. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 – Bộ phận tài chính, kế toán trong doanh nghiệp: Có đủ năng lực thực hiện công việc tổng hợp và phân tích các thông tin, xu hướng và đưa ra các dự báo trong tương lai nhằm phục vụ cho ban giám đốc, như: Theo dõi, phân tích tình hình hoạt động của các doanh nghiệp được phụ trách; Lập báo cáo phân tích ngành tài chính ngân hàng; Phân tích kết quả kinh doanh, sản xuất; Phân tích rủi ro đầu tư có thể gặp phải; Huy động nguồn vốn, dự án vay, điều tiết nguồn vốn; Báo cáo tình hình tài chính cho cấp quản lý.

Nhóm 2 – Bộ phận đầu tư trong doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty tài chính, công ty quản lý quỹ: Có đủ năng lực thực hiện công việc như tham gia tư vấn, cung cấp các giải pháp tài chính phù hợp với nhu cầu của khách hàng; tham mưu cho lãnh đạo về các vấn đề liên quan đến đầu tư; thực hiện làm báo cáo theo yêu cầu của ban giám đốc; liên lạc với các chi nhánh để hỗ trợ các chứng từ liên quan đến hợp đồng đầu tư cho khách hàng...

Nhóm 3 – Các cơ quan quản lý tài chính cấp Trung ương hoặc địa phương: Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp Trung ương và địa phương.

Một số cơ quan công tác sau khi tốt nghiệp như: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, Thuế, Hải Quan, Sở Tài chính, , Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, phòng Kế hoạch tài chính cấp huyện, thị xã ,...

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên tại các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức tài chính quốc tế: Ngay sau khi ra trường, có khả năng nghiên cứu và hỗ trợ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: hỗ trợ giảng dạy các môn liên quan đến Tài chính; nghiên cứu, tư vấn về lĩnh vực tài chính – ngân hàng; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

1.3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh chi tiết theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Tài chính – Ngân hàng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. CĐR chung của Học viện

- **CĐR 1:** Vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- **CĐR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế) vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.
- **CĐR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.
- **CĐR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

2.1.2. CĐR chung ngành

- **CĐR 5:** Áp dụng các kiến thức về kinh tế, kế toán, thống kê, pháp luật, và dữ liệu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- **CĐR 6:** Vận dụng các kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng, và thị trường chứng khoán vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.

2.1.3. CĐR riêng của chuyên ngành

- **CĐR 7:** Phân tích các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành tài chính như tài chính doanh nghiệp, định giá tài sản, thuế, quản trị rủi ro và đầu tư chứng khoán.
- **CĐR 8:** Đánh giá được hoạt động tài chính của doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành và các tổ chức chính trị xã hội khác.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. CĐR kỹ năng chuyên môn

- **CĐR 9:** Có tư duy phản biện, hoạch định chính sách, có khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào các hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên sâu về Tài chính.
- **CĐR 10:** Có kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin, dữ liệu, để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

2.2.2. CĐR Kỹ năng bổ trợ

- **CĐR 11:** Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học, sáng tạo.
- **CĐR 12:** Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng áp dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có phương pháp nghiên cứu và phân tích định lượng trong phân tích kinh tế và kinh doanh.

- **CĐR 13:** Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam vào truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

2.3. Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

- **CĐR 14:** Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

- **CĐR 15:** Xây dựng khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

2.4. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CĐR của CTĐT:

CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng chuyên ngành Tài chính năm 2023 được xây dựng trên cơ sở so sánh, tham khảo CTĐT của trường Đại học Kinh tế quốc dân và trường Đại học Kinh tế London (London School of Economics); cũng như so sánh với CTĐT chuyên ngành Tài chính năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. Cử nhân chuyên ngành Tài chính phải có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tài chính với những học phần đặc trưng sau: (i) Lý thuyết tài chính tiền tệ (Principles of Finance), (ii) Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance); (iii) Kinh tế vi mô (Microeconomics), (iv) Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics), (v) Nguyên lý thống kê kinh tế (Elementary Statistical Theory), (vi) Kế toán tài chính (Elements of Financial Accounting); (vii) Quản trị rủi ro (Risk management and Modelling), (viii) Thị trường phái sinh (Derivatives);

Ngoài ra, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính năm 2023 được xây dựng trên cơ sở thực hiện Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo: Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” và tham khảo chuẩn đầu ra của các CTĐT ngành Tài chính- Ngân hàng của Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính. Bên cạnh chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ phù hợp với quy định chung của Học viện Chính sách và phát triển, CTĐT chuyên ngành Tài chính năm 2023 xây dựng lại chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này, với 8 chuẩn đầu ra về kiến thức, 5 chuẩn đầu ra về kỹ năng và 2 chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 129 tín chỉ (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất và quốc phòng), trong đó:

- Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 12 tín chỉ (chiếm 9,3%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 18 tín chỉ (chiếm 13,9%)
- Khối kiến thức ngành bắt buộc: 21 tín chỉ (chiếm 16,2%)
- Khối kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 9 tín chỉ (chiếm 7,0%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 9 tín chỉ (chiếm 7,0%)
- Khối kiến thức ngành lựa chọn: 9 tín chỉ (chiếm 7,0%)
- Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 10 tín chỉ (chiếm 7,8%)
- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 31,8%)

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
1	Giáo dục đại cương		41	31,8%
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
3	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
6	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
7	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
8	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
13	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
14	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
15	THML04	Triết học Mác Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	2
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Cơ sở ngành (Bắt buộc)		18	13,9%
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5	Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	5
4	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	5
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		21	16,2%
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
2	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	4	5
3	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
4	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
6	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
4	TCBH01	Bảo hiểm	3	6
8	Chuyên ngành bắt buộc		12	9,3%
1	TCTH11	Thuế	3	6
2	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp 2	3	7
3	TCĐG01	Định giá tài sản	3	6
4	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
9	Chuyên ngành lựa chọn (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh	3	6
2	TCKT27	Kiểm toán tài chính	3	7
3	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
4	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	7
5	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	7,8%
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	8
4	TCTN02	Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao	3	8
TỔNG SỐ			129	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

Thực tập tốt nghiệp

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị. Sinh viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.

Khóa luận tốt nghiệp

Học phần dành cho sinh viên năm cuối, kết hợp kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong quá trình học tập và làm việc tại cơ sở thực tiễn, hoàn thành một nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được thể hiện ở báo cáo Khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp là một báo cáo thực tiễn độc lập, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc một số giảng viên về lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo.

Chuyên đề thực tế

Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.

Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ nâng cao

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ nâng cao cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ nâng cao cùng với học phần Tài chính doanh nghiệp nâng cao là học phần bắt buộc thay thế cho Khóa luận tốt nghiệp, làm điều kiện để sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng được tốt nghiệp ra trường.

Tài chính doanh nghiệp nâng cao

Tài chính doanh nghiệp nâng cao là học phần tốt nghiệp đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính và chuyên ngành Ngân hàng thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng.

Học phần Tài chính doanh nghiệp nâng cao đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh

tế thị trường như: chi phí huy động và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư dài hạn, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu; các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn; các vấn đề về phân tích và lập kế hoạch tài chính cũng như việc hoạch định tài chính doanh nghiệp trong tương lai.

Tài chính doanh nghiệp nâng cao có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Kinh tế vi mô, Nguyên lý kế toán, Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ, Tài Chính Doanh Nghiệp...

Phân tích báo cáo tài chính

Phân tích Báo cáo tài chính là học phần chuyên ngành đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần Phân tích Báo cáo tài chính giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính với các kiến thức bổ trợ từ các chuyên ngành đào tạo của Học Viện để hình thành các kỹ năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi về quản trị tài chính phát sinh ở mỗi đơn vị như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể.

Phân tích Báo cáo tài chính có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Lý thuyết Tài chính tiền tệ; Nguyên lý kế toán; Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô, Thị trường chứng khoán, Tài chính doanh nghiệp, ...

Tài chính doanh nghiệp 2

Tài chính doanh nghiệp 2 là học phần chuyên ngành đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng.

Học phần Tài chính doanh nghiệp 2 cung cấp các kiến thức liên quan đến các biện pháp để quản trị dòng tiền trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, hướng dẫn phương pháp lập kế hoạch tài chính, các phương pháp dự báo nhu cầu tài chính cho doanh nghiệp. Mặt khác, môn học còn trang bị các kiến thức về quản trị tài chính với các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro và giúp doanh nghiệp giải quyết các tình huống đặc biệt, như trong quá trình sáp nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp. Đặc biệt còn chỉ ra cơ sở hình thành giá trị doanh nghiệp để nhà quản trị tài chính đưa ra được các biện pháp nhằm gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Thuế

Học phần Thuế nghiên cứu đặc điểm, vai trò và quản lý thuế trong đời sống kinh tế xã hội. Học phần giới thiệu chi tiết đối tượng chịu thuế, phương pháp tính thuế và luật quản lý thuế đối với các sắc thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất

khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất,... Thông qua chương trình học, sinh viên có thể nắm vững được kiến thức và kỹ năng về thuế trong thực tế để phục vụ công tác học tập, nghiên cứu và thực thi công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

Định giá tài sản

Học phần Định giá tài sản cung cấp các kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và phương pháp định giá tài sản và định giá doanh nghiệp bao gồm: các khái niệm, các quan điểm, quy trình, nguyên tắc, cơ sở định giá và các phương pháp định giá tài sản, gồm: bất động sản, máy móc thiết bị và doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có thể sử dụng các phương pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn để đánh giá và định giá các bất động sản, máy móc thiết bị ít có giao dịch trên thị trường; có thể xác định mức giá hợp lý của các tài sản thế chấp, đánh giá mức độ mạo hiểm, độ tin cậy và tính khả thi của các dự án đầu tư, đánh giá được tính chất "ảo", tính đầu cơ, mức độ "bong bóng" về giá cả diễn ra trên thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, đánh giá và định giá được mức giá hợp lý của một doanh nghiệp, cổ phiếu và thương hiệu của doanh nghiệp đó; tư vấn cho các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân ra các đưa ra các quyết định đầu tư, mua sắm hợp lý, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất; có năng lực quản trị kinh doanh, marketing, môi giới, quản lý sàn giao dịch và thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư vào bất động sản.

Thẩm định dự án đầu tư

Học phần Thẩm định Dự án Đầu tư trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

Bảo hiểm

Học phần "Bảo hiểm" cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về pháp luật bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại; Lý thuyết/nguyên lý và các nội dung cơ bản của các nghiệp vụ bảo hiểm như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm con người.

Kế toán tài chính

Học phần Kế toán tài chính là môn học cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kế toán tài chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh,

Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính. Học phần giúp sinh viên nắm có những kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính (Nhân viên kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính...).

Lý thuyết Tài chính tiền tệ

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ cung cấp cho sinh viên lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ như các vấn đề về cung cầu tiền tệ, tín dụng, lãi suất, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ. Sinh viên hiểu được cách thức vận hành của thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, các tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức kinh tế trong thị trường, làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn học chuyên ngành.

Học phần Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ là học phần cơ sở ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng, có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế,giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

Ngân hàng thương mại

Học phần Ngân hàng thương mại trong chương trình đào tạo trình độ đại học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại và các hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường.

Học phần này bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan hoạt động kinh doanh ngân hàng thương mại; Nguồn vốn và tài sản ngân hàng; Các nghiệp vụ tín dụng ngân hàng; Phân tích tín dụng và chính sách tín dụng; Các hoạt động quốc tế của ngân hàng; Vốn chủ sở hữu ngân hàng; Rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Quản lý Tài chính công

Học phần Quản lý tài chính công cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành kiến thức nền tảng về quản lý tài chính công trong hệ thống tài chính quốc gia. Môn học giới thiệu tổng quan các nội dung về tài chính công và quản lý tài chính công; ngân sách nhà nước và chu trình quản lý ngân sách nhà nước; quản lý thu, chi ngân sách; quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách; quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức cân đối ngân sách nhà nước và quản lý nợ công.

Tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Tài chính thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Tài chính doanh nghiệp có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ.

Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp; các vấn đề về tài sản, nguồn vốn; sự vận động của dòng tiền vào, dòng tiền ra mà biểu hiện cụ thể chính là doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích và quyết định đầu tư dự án, xác định chi phí vốn, quyết định nguồn vốn và cơ cấu vốn và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của các quyết định quản lý này đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán

Học phần Thị trường chứng khoán là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán với 10 nội dung cụ thể sau đây: (i) Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; (ii) Các loại chứng khoán và phát hành chứng khoán, (iii) Sở giao dịch chứng khoán; (iv) Thị trường chứng khoán phi tập trung; (v) Công ty chứng khoán; (vi) Giao dịch chứng khoán; (vii) Lưu ký, đăng ký và thanh toán bù trừ; (viii) Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; (ix) Phân tích chứng khoán; và (x) Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.

Kiểm toán tài chính

Học phần “Kiểm toán tài chính” cung cấp những kiến thức về kiểm toán tài chính tại các tổ chức kinh tế để sinh viên có thể vận dụng để kiểm toán độ tin cậy của các báo cáo tài chính của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế. Môn học này sẽ giúp các bên liên quan có thể sử dụng báo cáo tài chính để thực hiện phân tích báo cáo tài chính, định giá tài sản chuẩn xác và hiệu quả hơn. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức, nội dung căn bản về kiểm toán báo cáo tài chính của một tổ chức. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên phải nắm được những kiến thức căn bản về kiểm toán tài chính áp dụng trong các hoạt động kiểm toán tài chính, rà soát tính trung thực, hợp lệ của báo cáo tài chính khi tiến hành sử dụng báo cáo tài chính của một tổ chức.

Phân tích và Đầu tư chứng khoán

Học phần Phân tích Đầu tư Chứng khoán là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu về phân tích đầu tư chứng khoán với 9 nội dung cụ thể sau đây: (i) Những vấn đề cơ bản về phân tích chứng khoán, (ii) Phương pháp phân tích cơ bản, (iii) Phương pháp phân tích kỹ thuật, (iv) Những vấn đề cơ bản về định giá chứng khoán, (v) Phân tích và định giá trái phiếu, (vi) Phân tích và định giá cổ phiếu, (vii) Phân tích và định giá chứng khoán phái sinh, (viii) Đầu tư chứng khoán và chiến lược đầu tư chứng khoán, và (ix) Xây dựng và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Quản trị rủi ro

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, quản trị rủi ro đang trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với nhiều tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội và đặc biệt quan trọng đối với các định chế tài chính. Quản trị rủi ro tài chính hiệu quả giúp các định chế tài chính hoạt động ổn định và bền vững, đồng thời giúp các tổ chức này chủ động tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất tiềm năng trong quá trình hoạt động kinh doanh. Môn học này trình bày những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận diện rủi ro; Phân loại và đo lường các loại rủi ro; Giám sát và phòng ngừa rủi ro, đặc biệt là rủi ro trong các định chế tài chính.

Tài chính quốc tế

Học phần “Tài chính quốc tế” bao gồm các nội dung: tổng quan về tài chính quốc tế, hệ thống tiền tệ quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, các nghiệp vụ ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, quan hệ giá cả, tỷ giá và lãi suất, những nhân tố tác động lên tỷ giá. Sinh viên được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về tài chính quốc tế; hệ thống tiền tệ quốc tế; cơ chế hoạt động và các nghiệp vụ của thị trường tài chính quốc tế; hạch toán cán cân thanh toán quốc tế; các cơ chế tỷ giá và những nhân tố tác động lên tỷ giá. Sinh viên được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học; phân tích và giải thích những vấn đề liên quan đến sự biến động kinh tế - tài chính thế giới; sử dụng Ngoại ngữ trong quá trình đọc, nghiên cứu các tài liệu liên quan tới môn học

Toán tài chính

Môn học “Toán tài chính” cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về cách thức tính lãi, chiết khấu, tiết kiệm, trả nợ vay và cách xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Qua đó, sinh viên nắm được bản chất, nguyên lý và các công cụ tính toán trong hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói riêng cũng như các nghiệp vụ tài chính nói chung. Sinh viên vừa được trang bị các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vừa biết vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau.

Kinh tế vi mô 2

Học phần “Kinh tế vi mô 2” cung cấp cung cấp các kiến thức hiện đại và chuyên sâu về kinh tế vi mô cho sinh viên ngành kinh tế ở bậc đại học. Học phần nghiên cứu các vấn đề: Các mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; Lý thuyết cầu; lựa chọn trong điều kiện rủi ro; Lý thuyết về hăng; Thị trường cạnh tranh và độc quyền; Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Thị trường các yếu tố sản xuất; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ. Từ đó, sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề liên quan đến hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trong dài hạn, các quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp trong các thị trường khác nhau, các giải pháp can thiệp của Chính phủ để khắc phục những thất bại của thị trường.

Kinh tế quốc tế

Học phần “Kinh tế quốc tế” cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực như thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, di chuyển lao động, thanh toán giữa các quốc gia cũng như một số vấn đề đang là tâm điểm quan tâm của toàn thế giới như toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế các quốc gia, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ. Môn học này sẽ đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi về liên quan cấu trúc của nền kinh tế thế giới, sự tham gia của các quốc gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, sự tác động qua lại giữa các chủ thể trong hoạt động kinh tế tầm vĩ mô..

Marketing căn bản

Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

Pháp luật kinh tế

Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

Văn hóa và đạo đức kinh doanh

Học phần này tập trung nghiên cứu và bàn luận về trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các cơ quan công quyền, doanh nghiệp (DN) trong hoạt động kinh doanh của mình. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến trách nhiệm và đạo đức của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của mình cũng như giúp người học khám phá những vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh liên quan đến những xung đột phức tạp và tình thế lưỡng nan trong hoạt động kinh doanh.

Chính sách công

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh

Học phần “Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, quyền riêng tư và chính sách bảo mật của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark, Python, R,... Ngoài ra, học viên sẽ được tiếp cận tư duy phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization), xây dựng mô hình ra quyết định, các công nghệ áp dụng cho hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, các hướng tối ưu dữ liệu cho kinh doanh, phân tích dữ liệu để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp...

Kinh tế lượng

Học phần “Kinh tế lượng” trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.

Kinh tế đầu tư

Môn học “Kinh tế đầu tư” là môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nghiên cứu các vấn đề kinh tế trong hoạt động đầu tư phát triển. Môn học cung cấp những kiến thức về kinh tế đầu tư một cách cơ bản như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.

Nguyên lý kế toán

Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

Nguyên lý thống kê kinh tế

Học phần được xây dựng trên nền tảng ứng dụng khoa học thống kê trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực

hành trong việc thu thập và xử lý dữ liệu thống kê nhằm đưa ra các nhận định về bản chất của các hiện tượng kinh tế xã hội trong các điều kiện không gian và thời gian cụ thể, phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ra quyết định trong quản lý kinh tế xã hội. Với mục tiêu cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội, học phần phục vụ hữu hiệu cho sinh viên trong học tập và nghiên cứu các chuyên ngành thuộc khối kinh tế - xã hội; mặt khác cũng rất hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và hoạt động thực tiễn.

Tiếng Anh trong kinh doanh

Học phần “Tiếng Anh trong kinh doanh” là chương trình học một kỳ sau khi đã được học bốn kỳ tiếng Anh Tổng quát dành cho sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau bậc đại học tại Học viện Chính sách và Phát triển. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Một số chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh; Những khái niệm cơ bản cũng như những thuật ngữ đặc trưng cho lĩnh vực kinh doanh; Các cấu trúc, các cụm từ thông dụng và mẫu tham khảo để viết CV và Cover Letter. Nội dung chương trình được thiết kế hiệu quả và phù hợp khách quan với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo sau khi ra trường sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức được cung cấp vào thực tế công việc.

Kinh tế Chính trị Mác – Lênin

Học phần “Kinh tế Chính trị Mác – Lênin” cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề kinh tế chính trị đặt ra từ thực tiễn, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, cùng với môn học Triết học Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

Kinh tế vi mô 1

Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về lịch sử và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.

Pháp luật đại cương

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.

Tiếng Anh cơ bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản

thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.

Tiếng Anh cơ bản 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Tiếng Anh cơ bản 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Tiếng Anh cơ bản 4

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.

Tin học đại cương

Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển.

Toán cao cấp

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian véc tơ n-chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học. Học phần “Chủ nghĩa xã hội khoa học” cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Triết học Mác - Lênin

Học phần “Triết học Mác – Lênin” trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Từ đó, định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực của sinh viên, góp phần cải tạo tự nhiên, xã hội, con người phát triển hợp quy luật khách quan.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, 2 giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1 Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều

kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng hỗ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Phạm Mỹ Hằng Phương	TS	Tài chính – Ngân hàng	TK
2	Đào Bích Hạnh	TS	Luật công	GV
3	Đỗ Thanh Hương	TS	Tài chính – Ngân hàng	GV
4	Đặng Thùy Nhung	ThS	Tài chính – Ngân hàng	GV
5	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	ThS	Tài chính – Ngân hàng	GV
6	Trần Hoàng Minh	ThS	Tài chính – Ngân hàng	GV
7	Nguyễn Tuấn Phong	Ths	Kinh tế	GV

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Tài chính – Ngân hàng còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Tài chính – Ngân hàng và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa Tài chính – Ngân hàng còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến tài chính – ngân hàng cho SV.

3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên

Là một Khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa Tài chính – Ngân hàng luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa Tài chính – Ngân hàng thu hút được 10-20 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH.

PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CDR của CTĐT

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CDR 1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	X		X	
CDR 2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.	X		X	
CDR 3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.	X		X	
CDR 4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X		X	
CDR 5	Áp dụng các kiến thức về kinh tế, kế toán, thống kê, pháp luật, và dữ liệu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	X		X	
CDR 6	Vận dụng các kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng, và thị trường chứng khoán để vận dụng vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.	X		X	
CDR 7	Phân tích các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành tài chính như tài chính doanh nghiệp, định giá tài sản, thuế, quản trị rủi ro và đầu tư chứng khoán.	X		X	

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CDR 8	Đánh giá được hoạt động tài chính của doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành và các tổ chức chính trị xã hội khác.	X		X	
CDR 9	Có tư duy phân biện, hoạch định chính sách, có khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào các hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên sâu về Tài chính.	X			X
CDR 10	Có kỹ năng thu thập và tổng hợp thông tin, dữ liệu, để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.	X			X
CDR 11	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học.	X			X
CDR 12	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng áp dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có phương pháp nghiên cứu và phân tích định lượng trong phân tích kinh tế và kinh doanh.	X			X
CDR 13	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để vận dụng vào truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.	X			X
CDR 14	Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.	X	X		

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT			
		MT1	MT2	MT3	MT4
CDR 15	Xây dựng khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.	X	X		

Ghi chú: Đánh dấu “X” thể hiện sự liên kết giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			41															
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2													x	x
2	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2														x	x
3	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2													x	x
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2													x	x
5	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2													x	x
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3				3									x		
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3				3									x		
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3									x	x		
9	TOCC05	Toán cao cấp	3			2									x			
10	OLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			2									x			
11	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3													x		
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3													x		
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3													x		

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3													x		
15	UĐC01	Pháp luật đại cương	3		3												x	x
16	TOĐC06	Tin học đại cương	3			3								x				
17	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2														x	
18	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2														x	
19	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2														x	
20	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8														x	x
21	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3											x	x			
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			88															
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			27															
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			18															
1	CSCS11	Chính sách công	3		2			3					x	x				
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			2		3					x	x				
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2		3					x	x				

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3		2								x	x				
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			2		3					x	x				
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3			2		3						x	x		x	x
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			9															
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3				2	3						x	x			
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3			2		3						x	x			
3	QTMC02	Marketing căn bản	3			2		3					x	x				
4	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3													x		
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3					3					x	x			x	x
6	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3			2		3						x	x			
2.2. Kiến thức ngành			30															
2.2.1. Ngành bắt buộc			21															
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3					3	3	4		x	x	x			x	x
2	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	4		2		2	3	3	4		x	x	x			x	x
3	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3		2		2	3	3	4	5	x	x	x			x	x

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	TCCO21	Quản lý tài chính công	3		2		2	3	3	4			x	x			x	x
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3					3	3	4			x	x				
6	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3		2	2	2	3	3	4		x	x	x	x		x	x
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2		2		2	3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
2.2.2. Ngành lựa chọn			9															
1	QTCL01	Quản trị chiến lược	3		2	2		3			4	x	x	x				
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3				2	3	3			x	x	x				
3	TCTO10	Toán tài chính	3			2		3				x	x	x				
4	TCBH01	Bảo hiểm	3		2		2		3	3	4	x	x	x				
5	TCKQ01	Kế toán quản trị	3					3	3		4	x	x	x			x	x
2.3. Kiến thức chuyên ngành			21															
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			12															
1	TCTH11	Thuế	3		2			3	3	4	4	x	x	x			x	x
2	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp 2	3			2		3	3	4	5	x	x	x	x		x	
3	TCĐG01	Định giá tài sản	3		2	2	2	3	2	4	5	x	x	x	x		x	x

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3				2		3	4	5	x	x	x	x		x	x
2.3.2. Chuyên ngành lựa chọn			9															
1	ĐTTPS01	Chứng khoán phái sinh	3						3	4	5	x	x	x			x	x
2	TCKT27	Kiểm toán tài chính	3		2			3	3	4	4		x	x			x	x
3	TCCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3					3	3	4	5	x	x	x	x		x	x
4	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3					3	3	4	5	x	x	x				
5	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3					3	3	4	5	x	x	x				
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			10															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x
4	TCTN02	Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao	3					3	3	4	5	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom:

(1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1 Thời gian đào tạo

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

5.1.2 Cách thức thực hiện

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 31,8%), Kiến thức cơ sở ngành: 27 tín chỉ (chiếm 20,9%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 30 tín chỉ (chiếm 23,2%); Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ (16,3%) và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ (7,8%) được thực hiện vào kỳ 7 và kỳ 8 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ). Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 129 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học thuộc chương trình đào tạo (mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ)
- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

□ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

□ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

□ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

□ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

□ Cách tính điểm học phần

□ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

□ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

□ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

□ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo.	<input type="checkbox"/> Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lí công việc và thời gian cá nhân hiệu quả. <input type="checkbox"/> Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh <input type="checkbox"/> Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn phòng thông dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.	Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	Phương pháp giảng dạy: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Thuyết trình <input type="checkbox"/> Thảo luận nhóm <input type="checkbox"/> Đặt-giải quyết vấn đề Phương pháp học tập: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp <input type="checkbox"/> Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. <input type="checkbox"/> Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. Điều kiện dạy và học: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học <input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học thông qua môn học; <input type="checkbox"/> Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. <input type="checkbox"/> Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... <input type="checkbox"/> Tham gia guest speaker
Năm thứ Hai	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến	<input type="checkbox"/> Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác	<input type="checkbox"/> Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức.	Phương pháp giảng dạy: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học;

	thức theo khối ngành, cơ sở ngành	<p>định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều.</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế. <input type="checkbox"/> Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. <input type="checkbox"/> Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... <input type="checkbox"/> Tham gia guest speaker <p>Phương pháp học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp <input type="checkbox"/> Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. <input type="checkbox"/> Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học <input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học <input type="checkbox"/> Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. <input type="checkbox"/> Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện xét cho sinh viên toàn trường từ năm 2 trở đi.
Năm thứ Ba và năm thứ Tư	Các môn học thuộc khối kiến thức theo ngành	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Có khả năng khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh 	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học;

		<p>tiền và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.</p> <p><input type="checkbox"/> Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế, vv.</p> <p><input type="checkbox"/> Viết báo cáo, các kỹ năng cơ bản để vận dụng vào từng lĩnh vực cụ thể của quá trình học và chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p><input type="checkbox"/> Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy phân biện; kỹ năng lãnh đạo nhóm và thích nghi với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai.</p>	<p>vực kinh tế, kinh doanh;</p> <p><input type="checkbox"/> Năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp;</p> <p><input type="checkbox"/> Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;</p> <p>Khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh</p> <p><input type="checkbox"/> Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;</p>	<p><input type="checkbox"/> Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p><input type="checkbox"/> Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai...</p> <p><input type="checkbox"/> Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án...</p> <p><input type="checkbox"/> Tham quan thực tế/ thực tập tại doanh nghiệp</p> <p>Phương pháp học tập:</p> <p><input type="checkbox"/> Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/ thực tập liên quan đến môn học/ đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức thực tập thực tế</p> <p>Điều kiện dạy và học:</p> <p><input type="checkbox"/> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học.</p> <p><input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức các đợt thực tế theo nhu cầu học phần, thực tập tại doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cho sinh viên.</p> <p><input type="checkbox"/> Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.</p>
--	--	--	---	--